

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG  
HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 5A Hoàng Văn Thụ, Minh Khai, Hồng Bàng, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

1282  
CÔNG  
CH NH  
I TOÁN  
VIỆ  
GIÁ

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Thái Duy Long	Chủ tịch
Bà Đào Thanh Hải	Thành viên
Ông Phạm Thanh Minh	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Phạm Thanh Minh	Giám đốc
Ông Phạm Đình Ngoan	Phó Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hồng Điệp	Kế toán trưởng

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG**



**Phạm Thanh Minh**

**Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2017





Số: 60 -17/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là Công ty), được lập ngày 08/02/2017, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Ngọc Toàn**  
**Phó Tổng giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

**Lê Thị Hương Lan**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2506-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>40.941.270.511</b>	<b>46.899.613.103</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>32.779.722.698</b>	<b>39.422.332.541</b>
1. Tiền	111		13.279.722.698	15.422.332.541
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.500.000.000	24.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.013.043.789</b>	<b>7.297.311.247</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.174.192.122	4.388.956.322
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	-	32.990.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.838.851.667	2.875.364.925
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>12.699.709</b>	<b>8.299.709</b>
1. Hàng tồn kho	141		12.699.709	8.299.709
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>135.804.315</b>	<b>171.669.606</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	135.804.315	171.669.606
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36.994.965.906</b>	<b>37.774.644.503</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.714.685.610</b>	<b>37.474.013.846</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.7.	36.714.685.610	37.474.013.846
- Nguyên giá	222		115.468.798.793	112.183.789.817
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.754.113.183)	(74.709.775.971)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>280.280.296</b>	<b>300.630.657</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	280.280.296	300.630.657
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>77.936.236.417</b>	<b>84.674.257.606</b>

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.342.222.164</b>	<b>16.772.590.522</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.982.222.164</b>	<b>16.412.590.522</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	572.208.006	319.260.555
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	78.800.000	261.214.918
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.10	4.432.774.046	5.425.611.615
4. Phải trả người lao động	314		3.200.256.247	4.258.869.085
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	46.100.000	153.800.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	2.102.418.498	2.153.329.199
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	346.417.907	100.648.255
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	475.475.037	3.101.461.310
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		727.772.423	638.395.585
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>360.000.000</b>	<b>360.000.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12	360.000.000	360.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.594.014.253</b>	<b>67.901.667.084</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>65.594.014.253</b>	<b>67.901.667.084</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.001.124.543	6.001.124.543
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.043.091.148	4.181.220.937
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.191.248.317	1.894.882.754
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.358.550.245	13.824.438.850
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		977.342.311	569.296.314
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.381.207.934	13.255.142.536
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>77.936.236.417</b>	<b>84.674.257.606</b>

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Dinh

Đỗ Thị Hồng Điệp

Phạm Thanh Minh

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	51.891.931.033	61.282.104.883
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		51.891.931.033	61.282.104.883
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	35.018.541.473	42.735.637.389
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.873.389.560	18.546.467.494
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	825.721.625	1.589.766.473
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	71.298.904	17.672.021
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	5.943.405.872	7.159.015.973
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		11.684.406.409	12.959.545.973
11. Thu nhập khác	31	VI.5	71.636.573	5.942.247.037
12. Chi phí khác	32	VI.6	54.620.564	1.927.353.471
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		17.016.009	4.014.893.566
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.701.422.418	16.974.439.539
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.320.214.484	3.719.297.003
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.381.207.934	13.255.142.536
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.899	3.059

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Mai Dinh

Đỗ Thị Hồng Điệp

Phạm Thanh Minh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	55.576.611.646	68.279.116.238
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(21.996.103.389)	(35.553.622.171)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.846.761.076)	(13.544.018.528)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(2.281.559.044)	(3.760.870.791)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.293.887.797	18.987.635.213
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.101.800.066)	(23.552.112.842)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.644.275.868</b>	<b>10.856.127.119</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.158.889.874)	(6.616.604.067)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	6.472.580.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	656.050.361	763.570.309
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.502.839.513)</b>	<b>619.546.242</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.950.396.194)	(6.615.060.800)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(9.950.396.194)</b>	<b>(6.615.060.800)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(6.808.959.839)</b>	<b>4.860.612.561</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>39.422.332.541</b>	<b>34.153.673.983</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	166.349.996	408.045.997
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>32.779.722.698</b>	<b>39.422.332.541</b>

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Mai Dinh

Đỗ Thị Hồng Điệp

Phạm Thanh Minh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 638/BNT-TCCB ngày 27 tháng 05 năm 1977 của Bộ Ngoại thương, sau đó được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0203003359 ngày 08/8/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 số 0200128737 ngày 13/05/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 0200128737 ngày 05/09/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 số 0200128737 ngày 05/9/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp thì Vốn Điều lệ của Công ty là **42.000.000.000 VND** (Bốn mươi hai tỷ đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận kho vận ngoại thương.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận, kho vận, thuê và cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải, bốc xếp, thu gom chia lẻ, bảo quản đóng gói, phân loại hàng hóa làm thủ tục xuất nhập khẩu, hải quan, mua bảo hiểm hàng hóa. Nhận ủy thác của các đơn vị kinh tế, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước. Tổ chức chuyên chở giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng hóa ngoại giao, hàng quá cảnh, hàng hội chợ triển lãm, hàng thiết bị triển lãm, văn hóa nghệ thuật, hàng công trình, hàng biếu tặng, hàng mẫu, hàng quý. Tài liệu, chứng từ vận chuyển hàng hóa bằng các phương tiện vận tải;
- Dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế. Dịch vụ liên quan đến kho ngoại quan;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị, vật liệu xây dựng, sản phẩm đồ mộc, hàng nông sản và hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh máy vi tính và linh kiện, phụ kiện máy vi tính;
- Đại lý tàu biển. Đại lý cho các hãng tàu nước ngoài về giao nhận vận tải thương mại;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, du lịch, dịch vụ ăn uống, giải khát, khách sạn và dịch vụ khách sạn./.

(Đối với các ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Trụ sở Công ty tại: Số 5A Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Duyên Hải.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (“VND”), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	05

Ngoài ra, Công ty còn giữ hộ tài sản cố định là nhà 3 tầng Vạn Mỹ, có giá trị sổ sách là 259.630.487 đồng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí bảo hiểm phương tiện, sắm lốp và các chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước này thuộc tài sản lưu động phát sinh một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ từ 12 tháng đến 24 tháng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**8. Nguyên tắc kế toán các chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí sản xuất kinh doanh như chi phí tiền điện, nước, điện thoại, thực tế đã phát sinh nhưng chưa có chứng từ, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ đang chờ đến thời hạn thanh toán dựa trên hợp đồng đã được ký kết và thông báo tiền điện nước đã sử dụng hàng tháng.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên dự toán chi phí và dự toán trích trước, phù hợp với 3 điều kiện ghi nhận các khoản dự phòng phải trả quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ giao nhận,... được ghi nhận theo số tiền mà khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán, nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ trong kỳ và đã xuất hoá đơn tài chính tại ngày thu tiền.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận khi đầu tư và mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận, cổ tức: Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ giao nhận ngoại quan, dịch vụ giao nhận hàng nhập, dịch vụ lưu kho, bảo quản kho, dịch vụ vận tải, bốc xếp, cân hàng, dịch vụ cho thuê văn phòng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Thu nhập khác là thu nhập từ thanh lý một số phương tiện vận tải được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng, biên bản bàn giao tài sản và thu nhập khác.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 5% đối với nước sinh hoạt thu lại khách hàng và 10% đối với các dịch vụ giao nhận, lưu kho, cân hàng và dịch vụ bốc xếp, vận chuyển.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>13.279.722.698</b>	<b>15.422.332.541</b>
<i>Tiền mặt</i>	<i>142.034.000</i>	<i>189.326.000</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>13.137.688.698</i>	<i>15.233.006.541</i>
VND	1.662.417.556	2.422.361.004
Ngân hàng TMCP Á Châu	434.271.423	703.484.170
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.228.146.133	1.718.876.834
USD	11.475.271.142	12.810.645.537
Ngân hàng TMCP Á Châu		179.811.047
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11.475.271.142	12.630.834.490
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>19.500.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>
VND	19.500.000.000	24.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	19.500.000.000	24.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.779.722.698</b>	<b>39.422.332.541</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <i>Ngắn hạn</i>				
Konoike Transport Co., Ltd	512.526.267	-	1.039.962.336	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty TNHH điện tử Samsung HCMC CE Complex	336.399.700	-	-	-
Công ty TNHH Thủy tinh SanMiguel Yamamura Hải Phòng	398.684.000	-	509.152.000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thái Dương Toàn	254.885.000	-	364.719.500	-
Công ty TNHH Logistics MLC ITL - CN Hà Nội	749.882.668	-	-	-
Công ty TNHH Châu Giang	1.087.821.860	-	247.232.241	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại - Vinacomin	1.592.433.280	-	190.518.130	-
Tất Hồng Heavy Equipment Asia Alliance Holding Ltd	163.687.115	-	183.844.650	-
Asia Alliance Holding Ltd	137.627.473	-	141.519.265	-
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương	178.430.000	-	106.580.000	-
Các đối tượng khác	761.814.759	-	1.605.428.200	-
<b>Cộng</b>	<b>6.174.192.122</b>	<b>-</b>	<b>4.388.956.322</b>	<b>-</b>

b) *Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2.*

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Vận tải Minh Vũ	-	15.190.000
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Vận tải Huy An	-	17.800.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>32.990.000</b>

**4. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Phải thu khác	488.520.016	-	807.299.163	-
<i>Konoike Transport Co., LTD</i>	109.839.655	-	183.723.394	-
<i>Asia Alliance Holding LTD</i>	46.926.160	-	58.313.179	-
<i>Công ty TNHH thương mại Dịch vụ vận tải Minh Vũ</i>	133.715.420	-	372.225.905	-
<i>Các đối tượng khác</i>	198.038.781	-	193.036.685	-
Tạm ứng	1.272.466.163	-	2.002.340.768	-
<i>Nguyễn Thị Thu Huyền</i>	1.052.985.070	-	1.816.733.265	-
<i>Lưu Thị Bích</i>	73.679.553	-	68.626.053	-
<i>Nguyễn Trung Kiên</i>	-	-	50.000.000	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Đinh Thị Bích Giang	106.361.196	-	49.092.558	-
Phạm Thị Xuyên	4.504.344	-	15.788.892	-
Trần Hoàng Hải	34.936.000	-	-	-
Phạm Thu Giang	-	-	2.100.000	-
Dư nợ TK 338	77.865.488	-	65.724.994	-
Phải thu các loại bảo hiểm	57.688.995	-	50.048.501	-
Phải thu khác	20.176.493	-	15.676.493	-
<b>Cộng</b>	<b>1.838.851.667</b>	<b>-</b>	<b>2.875.364.925</b>	<b>-</b>

**5. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.699.709	-	8.299.709	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>12.699.709</b>	<b>-</b>	<b>8.299.709</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>135.804.315</b>	<b>171.669.606</b>
Phí bảo hiểm phương tiện	107.290.336	130.276.439
Phí sử dụng đường bộ	22.864.000	29.409.081
Ấc quy	5.649.979	11.984.086
<b>b) Dài hạn</b>	<b>280.280.296</b>	<b>300.630.657</b>
Chi phí sắm lốp ô tô	280.280.296	300.630.657
<b>Cộng</b>	<b>416.084.611</b>	<b>472.300.263</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư ngày 01/01/2016	99.122.613.602	1.035.772.718	11.698.880.270	79.798.182	246.725.045	<b>112.183.789.817</b>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.782.172.612	-	-	-	-	<b>3.782.172.612</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(497.163.636)	-	-	<b>(497.163.636)</b>
Số dư ngày 31/12/2016	102.904.786.214	1.035.772.718	11.201.716.634	79.798.182	246.725.045	<b>115.468.798.793</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư ngày 01/01/2016	67.810.374.155	818.208.232	5.771.118.643	79.798.182	230.276.759	<b>74.709.775.971</b>
- Khấu hao trong năm	3.154.210.578	78.928.812	1.047.474.426	-	16.448.286	<b>4.297.062.102</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(252.724.890)	-	-	<b>(252.724.890)</b>
Số dư ngày 31/12/2016	70.964.584.733	897.137.044	6.565.868.179	79.798.182	246.725.045	<b>78.754.113.183</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày 01/01/2016	<b>31.312.239.447</b>	<b>217.564.486</b>	<b>5.927.761.627</b>	-	<b>16.448.286</b>	<b>37.474.013.846</b>
- Tại ngày 31/12/2016	<b>31.940.201.481</b>	<b>138.635.674</b>	<b>4.635.848.455</b>	-	-	<b>36.714.685.610</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.209.702.496 đồng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Thương mại dịch vụ tổng hợp cảng Hải Phòng	145.731.642	145.731.642	184.348.855	184.348.855
Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu Đại Dương	-	-	48.400.000	48.400.000
Công ty TNHH Cơ khí xây lắp 19/5	49.700.000	49.700.000	12.000.000	12.000.000
Công ty TNHH Thăng Lợi	65.230.000	65.230.000	-	-
Công ty CP Thương mại vận tải Đại Nguyên	146.300.000	146.300.000	15.000.000	15.000.000
Các đối tượng khác	165.246.364	165.246.364	59.511.700	59.511.700
<b>Cộng</b>	<b>572.208.006</b>	<b>572.208.006</b>	<b>319.260.555</b>	<b>319.260.555</b>

**9. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Minh Tâm	-	120.000.000
Công ty TNHH Phin lọc và phụ tùng	39.000.000	-
Các đối tượng khác	39.800.000	141.214.918
<b>Cộng</b>	<b>78.800.000</b>	<b>261.214.918</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				31/12/2016
<b>Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng nội địa	236.006.804	3.583.600.236	3.518.953.089	300.653.951
Thuế TNDN	981.009.044	2.320.214.484	2.281.559.044	1.019.664.484
Thuế thu nhập cá nhân	64.731.767	250.680.998	256.893.154	58.519.611
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.143.864.000	10.814.197.000	11.904.125.000	3.053.936.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.425.611.615</b>	<b>16.971.692.718</b>	<b>17.964.530.287</b>	<b>4.432.774.046</b>

**11. Chi phí phải trả**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí sản xuất kinh doanh (tiền điện, nước, điện thoại,...)	46.100.000	153.800.000
<b>Cộng</b>	<b>46.100.000</b>	<b>153.800.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***12. Phải trả khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>346.417.907</b>	<b>100.648.255</b>
Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm trung ương CODUPHA HP	45.454.545	-
Posco Daewoo Corporation	48.833.805	-
Công ty TNHH Đầu tư xuất nhập khẩu Minh Phát	46.476.818	-
Công ty CP Thương mại và Vận tải quốc tế Vietrans	-	63.855.000
Các đối tượng khác	205.652.739	36.793.255
<b>b) Dài hạn</b>	<b>360.000.000</b>	<b>360.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	360.000.000	360.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Hồng Bàng	360.000.000	360.000.000
<b>Cộng</b>	<b>706.417.907</b>	<b>460.648.255</b>

**13. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước dịch vụ lưu kho, giao nhận	2.102.418.498	2.153.329.199
<b>Cộng</b>	<b>2.102.418.498</b>	<b>2.153.329.199</b>

**14. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>475.475.037</b>	<b>3.101.461.310</b>
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ định kỳ	475.475.037	3.101.461.310
<b>Cộng</b>	<b>475.475.037</b>	<b>3.101.461.310</b>

**15. Vốn chủ sở hữu****15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Số dư ngày 01/01/2015	42.000.000.000	6.001.124.543	9.946.537.263	57.947.661.806
Lãi trong năm trước	-	-	13.255.142.536	13.255.142.536
Chia cổ tức	-	-	(6.720.000.000)	(6.720.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	(2.657.240.949)	(2.657.240.949)
Số dư ngày 01/01/2016	42.000.000.000	6.001.124.543	13.824.438.850	61.825.563.393
Lãi trong năm nay	-	-	9.381.207.934	9.381.207.934
Chia cổ tức	-	-	(10.108.244.427)	(10.108.244.427)
Phân phối các quỹ	-	-	(2.738.852.112)	(2.738.852.112)
Số dư ngày 31/12/2016	42.000.000.000	6.001.124.543	10.358.550.245	58.359.674.788



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương	27.771.000.000	27.771.000.000
Vốn góp của các Cổ đông khác	14.229.000.000	14.229.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>42.000.000.000</b>

**15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	42.000.000.000	42.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>10.108.244.427</b>	<b>9.377.240.949</b>

**15.4 Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng****15.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	4.181.220.937	861.870.211	-	5.043.091.148
Quỹ khác thuộc vốn CSH	1.894.882.754	296.365.563	-	2.191.248.317
<b>Cộng</b>	<b>6.076.103.691</b>	<b>1.158.235.774</b>	<b>-</b>	<b>7.234.339.465</b>

**\*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 10,3% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**a) Tiền USD**

	31/12/2016	01/01/2016
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	8.012,97
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	505.184,73	562.620,69

**b) Tài sản nhận giữ hộ:**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Tài sản nhận giữ hộ</b>				
Nhà 3 tầng Vạn Mỹ	1	259.630.487	1	259.630.487

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.891.931.033	61.282.104.883
<b>Cộng</b>	<b>51.891.931.033</b>	<b>61.282.104.883</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	35.018.541.473	42.735.637.389
<b>Cộng</b>	<b>35.018.541.473</b>	<b>42.735.637.389</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	656.050.361	763.570.309
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.319.932	418.147.190
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	166.349.996	408.045.997
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.336	2.977
<b>Cộng</b>	<b>825.721.625</b>	<b>1.589.766.473</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	71.297.488	17.671.204
Chi phí tài chính khác	1.416	817
<b>Cộng</b>	<b>71.298.904</b>	<b>17.672.021</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. Thu nhập khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	5.942.045.454
Thanh lý vật liệu thu hồi	11.727.273	201.583
Thu nhập khác	59.909.300	-
<b>Cộng</b>	<b>71.636.573</b>	<b>5.942.247.037</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	-	1.316.178.386
Chi phí khấu hao, chi phí phân bổ của TSCĐ chờ thanh lý	-	455.341.018
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	99.164.183
Thuế GTGT truy thu theo Quyết định số 4848/QĐ-CT ngày 30/11/2015 của Cục thuế TP Hải Phòng	-	13.799.636
Các khoản chi phí khác	54.620.564	42.870.248
<b>Cộng</b>	<b>54.620.564</b>	<b>1.927.353.471</b>

**7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>5.943.405.872</b>	<b>7.159.015.973</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.784.111.081	3.992.157.980
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	47.281.636	52.065.465
Chi phí đồ dùng văn phòng	60.838.059	163.269.921
Khấu hao tài sản cố định	663.914.465	666.158.820
Thuế, phí, lệ phí	294.719.332	392.527.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	530.824.609	737.138.259
Chi phí bằng tiền khác	561.716.690	1.155.697.751
<b>Cộng</b>	<b>5.943.405.872</b>	<b>7.159.015.973</b>

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.457.011.835	3.927.777.460
Chi phí nhân công	14.218.530.125	14.920.333.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.297.062.102	5.220.203.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.270.950.769	12.920.301.028
Chi phí bằng tiền khác	11.718.326.687	12.906.037.430
<b>Cộng</b>	<b>40.961.881.518</b>	<b>49.894.653.362</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	52.789.289.231	68.814.118.393
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	52.622.939.235	68.406.072.396
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	166.349.996	408.045.997
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	41.087.866.813	51.839.678.854
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	41.021.866.813	51.732.407.895
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	66.000.000	107.270.959
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	11.601.072.422	16.673.664.501
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.320.214.484	3.668.206.190
Các khoản điều chỉnh thuế năm trước	-	51.090.813
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	2.320.214.484	3.719.297.003

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.381.207.934	13.255.142.536
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(408.045.997)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(408.045.997)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.381.207.934	12.847.096.539
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	1.407.181.190	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.899	3.059

(\*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 được tạm tính với tỷ lệ 15% trên Lợi nhuận sau thuế theo phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ của năm 2015 được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 22/04/2016.

**VII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan****a) Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu	1.702.241.951	1.351.522.861
Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương	1.702.241.951	1.351.522.861

**c) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản phải thu của khách hàng	178.430.000	106.580.000
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương	178.430.000	106.580.000

**d) Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương	1.056.130.570	1.076.365.739
Tiền thưởng	45.000.000	44.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.101.130.570</b>	<b>1.120.365.739</b>

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG HẢI PHÒNG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Mai Đình

Đỗ Thị Hồng Điệp

Phạm Thanh Minh